

Số: 44/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Vang, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị Ch, sinh năm: 1991

Địa chỉ: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Anh Nguyễn Sỹ L, sinh năm: 1991

Địa chỉ: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 02/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, đối với người yêu cầu chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L.

- Về con chung: có 01 người con chung:

+ Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 29/1/2013.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày: 29/1/2013 cho anh Nguyễn Sỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Ch không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2020, chị Ch và anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L.

- Về con chung: có 01 người con chung:

+ Nguyễn Thị Thùy Dương, sinh ngày 29/1/2013

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 29/1/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Ch không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh L (Hiện cháu Dương đang ở với anh L).

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L.

- Về con chung: chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L có 01 người con chung:

+ Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 29/1/2013.

Hai bên thỏa thuận, giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 29/1/2013 cho anh Nguyễn Sỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Ch không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Ch và anh Nguyễn Sỹ L cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận chị Ch chịu 150.000 đồng, anh L chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/006852 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Chị Ch và anh L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã Vinh Thanh;  
(ĐK ngày 20/4/2009);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**NGUYỄN HƯƠNG LAN**